

Tăng tỷ trọng

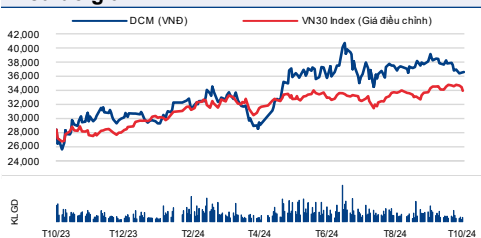
Giá mục tiêu: VNĐ41,600

Tiềm năng tăng/giảm: 13.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/10/2024)	36,600
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	25,623-40,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	19,376
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	764
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	220
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.35%
Tỷ lệ freefloat	14.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	12,571	12,832	12,866
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,788	1,538	1,748
LNTT (tỷ đồng)	1,255	1,473	1,611
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,109	1,311	1,433
FCF (tỷ đồng)	1,769	684	1,342
EPS ĐC (đồng)	2,095	2,476	2,707
DPS (đồng)	2,000	2,000	1,500
BVPS (đồng)	18,768	18,996	19,933
T.trưởng EBITDA (%)	(68.9)	(14.0)	13.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	(74.3)	18.2	9.35
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	0	(25.0)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.2	12.0	13.6
Tỷ suất LNTT (%)	9.98	11.5	12.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.82	10.2	11.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	95.5	80.8	55.4
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.2)	(15.1)	(17.7)
ROAE (%)	10.8	13.1	13.9
ROACE (%)	6.41	9.77	10.8
EV/doanh thu (lần)	0.77	0.80	0.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.44	6.71	5.41
P/E ĐC (lần)	17.5	14.8	13.5
P/B (lần)	1.95	1.93	1.84
Lợi suất cổ tức (%)	5.46	5.46	4.10

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng

kim.thong@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Giá đầu ra/đầu vào thúc đẩy lợi nhuận; sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q3/2024 tăng 63,3% so với cùng kỳ đạt 120 tỷ đồng bất chấp doanh thu thuần giảm 12,5% so với cùng kỳ đạt 2.634 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần tăng nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng do giá bán bình quân tăng và giá khí đầu vào giảm. So với Q2/2024, doanh thu thuần và lợi nhuận HĐKD cốt lõi giảm lần lượt 31,8% và 69% do yếu tố mùa vụ.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần tăng 75% so với cùng kỳ đạt 1.035 tỷ đồng nhờ doanh thu ổn định đạt 9.242 tỷ đồng (tăng 2,3% so với cùng kỳ), do tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên nhờ chi phí khấu hao giảm xuống và giá bán urê bình quân tăng lên.
- DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, cao hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,7 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

DCM công bố KQKD Q3/2024 trái chiều với lợi nhuận thuần đạt 120 tỷ đồng (tăng 63,3% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần đạt 2.634 tỷ đồng (giảm 12,5% so với cùng kỳ). Doanh thu thuần giảm chủ yếu do sản lượng urê tiêu thụ giảm 44,4%. Ngược lại, lợi nhuận thuần tăng là nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 14,2% so với mức 5,9% trong Q3/2023, trên cơ sở giá khí đầu vào giảm và giá bán bình quân urê tăng lên.

So với Q2/2024, doanh thu thuần và lợi nhuận HĐKD cốt lõi giảm lần lượt 31,8% và 69%, do yếu tố mùa vụ khiến sản lượng tiêu thụ giảm.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 9.242 tỷ đồng (tăng 2,3% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1.035 tỷ đồng (tăng 75% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 72% và 79% dự báo cho cả năm 2024 của HSC, sát với dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, DCM

	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,011	2,634	-12.5%	9,036	9,242	2.3%
Giá vốn hàng bán	(2,833)	(2,260)	-20.2%	(7,920)	(7,547)	-4.7%
Lợi nhuận gộp	177	375	111.3%	1,116	1,694	51.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	5.9%	14.2%		12.4%	18.3%	
Lợi nhuận tài chính	191	25	-86.8%	446	246	-44.8%
Chi phí QL&BH	(277)	(276)	-0.5%	(894)	(1,020)	14.1%
Chi phí QL&BH / Doanh thu (%)	9.2%	10.5%		9.9%	11.0%	
Lợi nhuận thuần khác	14	8	-44.6%	21	191	798.5%
LNTT	105	132	25.7%	690	1,112	61.2%
LNST	74	121	62.7%	594	1,040	75.2%
Lợi nhuận thuần	74	120	63.3%	591	1,035	75.1%

Nguồn: DCM

Doanh thu giảm do sản lượng tiêu thụ urê giảm

Xét theo sản phẩm chính, doanh thu mảng urê giảm 36,3% so với cùng kỳ xuống 1.247 tỷ đồng, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm 44,4% so với cùng kỳ, mặc dù giá bán bình quân tăng 14,5% so với cùng kỳ. Doanh thu mảng NPK tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ đạt 728 tỷ đồng (tăng 99,6% so với cùng kỳ), nhờ doanh thu hợp nhất từ Công ty Phân bón Hàn - Việt (KVF), chuyên về các sản phẩm NPK, cũng như nhờ doanh thu từ công ty mẹ tăng 28% so với cùng kỳ. DCM đã mua lại 100% KVF trong Q2/2024. Doanh thu mảng phân bón nhập khẩu đạt 755 tỷ đồng, tăng 33,8% so với cùng kỳ nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 63,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu mảng urê giảm 11,1% xuống 5.522 tỷ đồng, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ giảm 13,4% so với cùng kỳ. Ngược lại, doanh thu mảng NPK tăng 77,7% so với cùng kỳ đạt 1.832 tỷ đồng, phần lớn nhờ việc hợp nhất KVF từ Q2/2024. Doanh thu mảng phân bón nhập khẩu gần như đi ngang ở mức 1.536 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ).

Tỷ suất lợi nhuận tăng do giá khí đầu vào giảm và giá bán bình quân tăng

Lợi nhuận gộp tăng 111,3% so với cùng kỳ đạt 375 tỷ đồng, tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp là 14,2% so với mức 5,9% trong Q3/2023, chủ yếu là do tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng urê cải thiện. Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng urê đã cải thiện lên mức 20,6% so với 5,9% trong Q3/2023, nhờ chi phí khấu hao giảm xuống (giảm 83% so với cùng kỳ) và giá khí đầu vào giảm xuống (giá khí đầu vào ở mức 9,6 USD/mmbtu so với 10,3 USD/mmbtu trong Q2/2023) và giá bán bình quân tăng lên (tăng 14,5% so với cùng kỳ).

Tuy nhiên, do sản lượng tiêu thụ giảm, tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2024 thấp hơn mức 28,1% ghi nhận trong Q2/2024.

Tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu tăng và doanh thu HĐ tài chính giảm

Lợi nhuận HĐ tài chính trong Q3/2024 đạt 25 tỷ đồng, giảm 86,8% so với cùng kỳ, chủ yếu là do thu nhập từ lãi ngân hàng giảm 60% so với cùng kỳ xuống 60 tỷ đồng so với 150 tỷ đồng trong Q3/2023.

Trong khi đó, chi phí quản lý & bán hàng gần như không đổi ở mức 276 tỷ đồng, mặc dù doanh thu thuần giảm 12,5% so với cùng kỳ, dẫn đến tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu đạt 10,5%, tăng từ mức 9,2% trong Q3/2023.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

Sản lượng tiêu thụ urê hằng quý dao động theo từng quý và từng năm, tùy thuộc vào giai đoạn mùa vụ của mỗi năm. Tuy nhiên, sau khi sản lượng tiêu thụ giảm xuống trong Q3/2024, HSC kỳ vọng sản lượng tiêu thụ urê sẽ tăng mạnh trong Q4/2024.

Doanh thu và lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 bằng lần lượt 72% và 80% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi. Theo đó, HSC duy trì dự báo cho năm 2024 với doanh thu đạt 12.832 tỷ đồng (tăng trưởng 2,1%) và lợi nhuận thuần đạt 1.311 tỷ đồng (tăng trưởng 18,2%).

DCM đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,4 lần, cao hơn 1,2 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 8,7 lần.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ trong Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, DCM

Sản lượng tiêu thụ urê giảm 44,4% so với cùng kỳ

Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Urê	229,860	127,850	-44.4%	671,110	581,300	-13.4%
NPK	28,740	38,100	32.6%	84,440	115,040	36.2%
Phân bón nhập khẩu	48,600	79,360	63.3%	131,160	175,000	33.4%
Giá bán bình quân (nghìn đồng/kg)						
Urê	8.5	9.8	14.5%	9.3	9.6	3.0%
NPK	12.7	12.3	-3.4%	12.2	11.6	-5.1%
Phân bón nhập khẩu	11.6	9.5	-18.1%	11.5	8.9	-22.7%

Nguồn: DCM, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	15,925	12,571	12,832	12,866	13,441
Lợi nhuận gộp	5,703	2,032	2,263	2,590	2,594
Chi phí BH&QL	(1,351)	(1,349)	(1,391)	(1,398)	(1,466)
Thu nhập khác	3.17	22.5	184	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,356	705	1,056	1,193	1,128
Lãi vay thuần	241	550	417	418	437
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	4,596	1,255	1,473	1,611	1,565
Chi phí thuế TNDN	(275)	(145)	(155)	(169)	(164)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(5.13)	(1.25)	(7.91)	(8.65)	(8.41)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,316	1,109	1,311	1,433	1,393
Lợi nhuận thuần ĐC	4,316	1,109	1,311	1,433	1,393
EBITDA ĐC	5,754	1,788	1,538	1,748	1,698
EPS (đồng)	8,153	2,095	2,476	2,707	2,631
EPS ĐC (đồng)	8,153	2,095	2,476	2,707	2,631
DPS (đồng)	3,000	2,000	2,000	1,500	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,126	2,284	2,703	3,022	3,264
Đầu tư ngắn hạn	6,812	8,242	7,418	7,789	8,178
Phải thu khách hàng	188	366	322	321	328
Hàng tồn kho	2,283	2,161	2,146	1,989	2,648
Các tài sản ngắn hạn khác	216	452	204	198	209
Tổng tài sản ngắn hạn	11,624	13,504	12,792	13,319	14,627
TSCĐ hữu hình	2,193	1,338	1,695	1,404	1,090
TSCĐ vô hình	47.2	350	348	345	341
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	303	45.1	35.1	34.1	36.0
Tổng tài sản dài hạn	2,543	1,733	2,078	1,783	1,467
Tổng cộng tài sản	14,167	15,238	14,870	15,101	16,094
Nợ ngắn hạn	2.56	846	848	848	848
Phải trả người bán	1,028	1,989	1,672	1,626	1,716
Nợ ngắn hạn khác	1,665	1,585	1,239	1,019	1,099
Tổng nợ ngắn hạn	2,874	4,517	3,980	3,864	4,059
Nợ dài hạn	1.05	2.96	180	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	686	754	617	640	707
Tổng nợ dài hạn	687	757	797	640	707
Tổng nợ phải trả	3,561	5,275	4,777	4,505	4,765
Vốn chủ sở hữu	10,576	9,936	10,057	10,553	11,276
Lợi ích cổ đông thiểu số	29.1	27.6	35.5	44.2	52.6
Tổng vốn chủ sở hữu	10,605	9,963	10,092	10,597	11,329
Tổng nợ phải trả và VCSH	14,167	15,238	14,870	15,101	16,094
BVPS (đ)	19,978	18,768	18,996	19,933	21,301
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(2,122)	(1,436)	(1,674)	(2,173)	(2,415)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,356	705	1,056	1,193	1,128
Khấu hao	(1,398)	(1,083)	(482)	(555)	(570)
Lãi vay thuần	241	550	417	418	437
Thuế TNDN đã nộp	(275)	(145)	(155)	(169)	(164)
Thay đổi vốn lưu động	(688)	963	219	70.9	(418)
Khác	700	(844)	(499)	(465)	(502)
LCT thuần từ HKKD	5,732	2,313	1,521	1,603	1,051
Đầu tư TS dài hạn	(147)	(544)	(836)	(261)	(253)
Góp vốn & đầu tư	(12,260)	(13,920)	824	(371)	(389)
Thanh lý	3.14	0	0	0	0
Khác	10,019	12,995	477	478	500
LCT thuần từ HĐĐT	(2,385)	(1,469)	465	(153)	(142)
Cổ tức trả cho CSH	(948)	(1,590)	(1,059)	(794)	(529)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(683)	836	(508)	(336)	(137)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,631)	(754)	(1,567)	(1,130)	(667)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	428	2,126	2,284	2,703	3,022
LCT thuần trong kỳ	1,716	89.8	418	319	242
Ảnh hưởng của tỷ giá	(17.8)	69.0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,126	2,284	2,703	3,022	3,264
Dòng tiền tự do	5,585	1,769	684	1,342	799

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	35.8	16.2	17.6	20.1	19.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	36.1	14.2	12.0	13.6	12.6
Tỷ suất LNT (%)	27.1	8.82	10.2	11.1	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	5.99	11.5	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	61.3	(21.1)	2.08	0.26	4.47
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	78.7	(68.9)	(14.0)	13.6	(2.82)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	137	(74.3)	18.2	9.35	(2.84)
Tăng trưởng EPS (%)	137	(74.3)	18.2	9.35	(2.84)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	137	(74.3)	18.2	9.35	(2.84)
Tăng trưởng DPS (%)	275	(33.3)	0	(25.0)	(33.3)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	36.8	95.5	80.8	55.4	38.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	47.9	10.8	13.1	13.9	12.8
ROACE (%)	45.4	6.41	9.77	10.8	9.70
Vòng quay tài sản (lần)	1.26	0.85	0.85	0.86	0.86
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.32	3.28	1.44	1.34	0.93
Số ngày tồn kho	81.5	74.8	74.1	70.7	89.1
Số ngày phải thu	6.72	12.7	11.1	11.4	11.0
Số ngày phải trả	36.7	68.9	57.8	57.8	57.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(19.1)	(14.2)	(15.1)	(17.7)	(18.6)
Nợ/tài sản (%)	0.78	5.72	7.99	7.66	7.28
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.02	0.49	0.77	0.66	0.69
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.04	2.99	3.21	3.45	3.60
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.66	0.77	0.80	0.74	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	1.82	5.44	6.71	5.41	5.20
P/E (lần)	4.49	17.5	14.8	13.5	13.9
P/E ĐC (lần)	4.49	17.5	14.8	13.5	13.9
P/B (lần)	1.83	1.95	1.93	1.84	1.72
Lợi suất cổ tức (%)	8.20	5.46	5.46	4.10	2.73

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn